

Hoàng Xuân Hãn (1908 – 1996)

Năm 1945, tốt nghiệp tiểu học, tôi đã nghe thấy nhiều người nhắc đến ông với giọng thán phục, rằng ông là **thạc sĩ Toán đồ ở Pháp**, về nước dạy Toán ở trường Bưởi rất được học sinh mến phục, lại rất quan tâm đến sự phát triển giáo dục nước nhà, đã **biên soạn và cho xuất bản cuốn "Danh từ khoa học" với 2 ngôn ngữ Việt – Pháp**, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giảng dạy và học tập bằng chữ quốc ngữ.

Hoàng Xuân Hãn xuất thân trong một gia đình nho học truyền thống, quê làng Kê Trổ, xã Nhân Thọ, tổng Yên Hồ, huyện La Sơn, phủ Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh, nay là xã Yên Hồ, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Thuở nhỏ, học chữ Nho rồi chữ Quốc ngữ ở gia đình, sau mới ra Vinh học tiểu học và trung học đệ nhất cấp; năm 1926 đỗ Thành chung, chuyển ra Hà Nội **học chuyên khoa ở trường Bưởi, đến năm cuối cấp lại chuyển sang học ở trường Albert Sarraut; ở đây ông cũng tỏ ra là một học sinh giỏi, nổi trội**; năm 1928 thi đỗ Tú tài toàn phần hạng Xuất sắc, **được cấp học bổng sang Pháp du học**. Sang Pháp, ông quyết chí thi vào các “Trường Lớn” (Grandes Écoles) và quả nhiên năm 1930 ông thi đậu vào cả 2 trường, trường Cao đẳng Sư phạm phố Ulm (ENS rue d’Ulm) nặng về nghiên cứu và trường Bách Khoa (École Polytechnique) nặng về ứng dụng. Ông chọn học trường Bách Khoa vì nghĩ rằng sau này sẽ hữu ích hơn khi trở về tham gia xây dựng đất nước. Và ngay từ lúc này ông đã bắt tay soạn cuốn “Danh từ khoa học”. **Từ 1932 đến 1934, ông học ở trường Cầu Đường (École Nationale des Ponts et Chaussées)**. Tốt nghiệp trường Cầu Đường, ông trở về nước nghỉ ngơi thăm gia đình, 4 tháng sau trở lại Paris học tiếp. Trên tàu biển, ông làm quen với cô Nguyễn Thị Bính (sinh ngày 6 – 10 – 1911) đang trên đường đi học Dược ở Pháp. Năm 1935, ông đỗ Cử nhân Toán, năm sau đỗ luôn Thạc sĩ Toán ở trường ĐH Sorbonne. Năm 1936, đỗ xong 2 bằng, ông về nước, làm lễ thành hôn với cô Bính. **Chính quyền Pháp gợi ý mời ông vào “làng Tây” và nhận chức Giám đốc Sở Công chính, song ông lịch sự từ chối** và nhận dạy Toán cho trường Trung học Bảo hộ (Collège du Protectorat, được thành lập năm 1925), thường được gọi là trường Bưởi, đồng thời cùng một số bạn bè trí thức lập tờ báo Khoa Học; ông thường xuyên viết bài đề cập đến nhiều lĩnh vực như thiên văn, lịch sử, địa lý, văn hóa Phương Đông và Việt Nam... Cô Bính trở thành bà Hãn, sau đỗ bằng Dược sĩ cao cấp ở Pháp, về nước mở cửa hàng buôn bán thuốc tây ở Cửa Nam, lấy tên là Pharmacie Hoàng Xuân Hãn, tức hiệu thuốc tây Hoàng Xuân Hãn, sau này trở thành Hiệu thuốc tân dược 8 – 3. Ông dạy ở trường Bưởi 3 năm, đến năm 1939 trường phải sơ tán do chiến tranh, trong thời gian này ông **đã hoàn tất cuốn “Danh từ khoa học” để đến năm 1942 cho xuất bản**. Sự ra đời của cuốn sách này đáp ứng đúng yêu cầu của các nhà trí thức và học sinh, sinh viên Việt Nam vốn có ý thức tự tôn dân tộc; do vậy được giải thưởng của Hội Khuyến Học Nam Kỳ. Năm 1943 ông được mời dạy môn Cơ học lý thuyết cho trường ĐH Khoa học Hà Nội mới được mở, đồng thời tham gia Hội Truyền bá Quốc ngữ. Ông làm trưởng ban Tu thư của Hội, **nghiên cứu cho ra đời “Phương pháp i, tò” để dạy văn quốc ngữ**, phương pháp này được phổ biến rộng rãi sau CM Tháng Tám, góp phần tích cực vào công cuộc xóa nạn mù chữ, chiến thắng giặc đói. Sau khi Nhật làm cuộc đảo chính, hơn 1 tháng sau, ngày 17 – 4 – 1945, học giả Trần Trọng Kim nhận đứng ra lập Nội các, nhiều trí thức đồng ý tham gia; ông Phan Anh được cử giữ chức Bộ trưởng Bộ Thanh Niên, **ông làm Bộ trưởng Bộ Giáo Dục và Mỹ thuật**... Về sau được hỏi vì sao lại ra tham chính, ông cho biết ông và các bạn đã dự đoán quân Nhật chỉ cầm cự được tối đa là 1 năm nên đồng ý nhận đứng ra lập Nội các vì các ông muốn cho dân ta làm quen với tính cách độc lập tự tin, để khi hòa bình trở lại, Đồng Minh không có cơ đặt ách ngoại trị nào vào cổ dân ta. Nội các Trần Trọng Kim chỉ tồn tại có 4 tháng, nhưng đã làm được nhiều việc đáng kể, ví như bác sĩ Trần Văn Lai được cử làm thị trưởng Hà Nội đã quyết

định cho hạ các bức tượng do Pháp dựng như tượng Paul Bert, tượng Bà Đầm Xòe...được coi như biểu tượng của chủ nghĩa thực dân, đã đổi tên phố, thay tên Pháp bằng tên các danh nhân Việt Nam...; bộ trưởng Phan Anh đã cho thành lập trường Thanh niên Tiền tuyến ở Huế nhằm đào tạo lực lượng quân sự nòng cốt cho đất nước; **bộ trưởng Hoàng Xuân Hãn cho ban hành chương trình giáo dục bằng chữ quốc ngữ cho tất cả các cấp học, thi Tú tài bằng tiếng Việt, dùng tiếng Việt trong các công văn chính thức**...Nội các Trần trọng Kim từ nhiệm, ông bắt đầu quan tâm nghiên cứu Truyện Kiều đồng thời tích cực chuẩn bị cho cuốn Lý Thường Kiệt. Sau Cách mạng Tháng Tám, Pháp lăm le trở lại Việt Nam trong khi chính phủ cách mạng còn non trẻ muốn đàm phán để có thời gian củng cố chính quyền. Từ 16 – 4 đến 12 – 5 – 1945 diễn ra Hội nghị trù bị Đà Lạt, nhiều trí thức nổi tiếng được mời tham gia phái đoàn ta như Tạ Quang Bửu, Nguyễn Mạnh Tường, Hoàng Xuân Hãn, Vũ văn Hiến, Phạm Ngọc Thạch...; trong hội nghị ông phụ trách Tiểu ban Chính trị. Sau hội nghị Đà Lạt, ông tham gia giảng dạy môn kỹ thuật quân sự cho các khóa huấn luyện của trường võ bị Trần Quốc Tuấn. Rồi dường như không muốn tham gia hoạt động chính trị nữa, trở về với công việc nghiên cứu, năm 1949 cho ra đời cuốn Lý Thường Kiệt. **Năm 1951 ông quyết định sang định cư ở Pháp** và dành toàn bộ phần còn lại của cuộc đời cho công việc nghiên cứu và biên khảo, tuy vẫn tham gia phong trào Việt kiều yêu nước.

Từ 1951 đến 1954, bên cạnh công tác biên khảo, ông giúp Thư viện Paris, thư viện của tu viện Dòng Tên và thư viện Tòa thánh Vatican làm thư mục các sách tiếng Việt. Năm 1952, ông cho xuất bản “La sơn Phu tử”, năm 1953, “Chinh phụ ngâm bị khảo”. Trong khoảng thời gian từ 1966 đến 1994 ông viết nhiều bài nghiên cứu về văn học, lịch sử gửi đăng ở các báo và tạp chí tại Paris, Sài Gòn...Ngày 21 – 7 – 1992, ông thành lập ở Pháp Hội Văn hóa Giáo dục Cam Tuyền mà ông trực tiếp làm chủ tịch với mục đích bảo vệ, phát huy văn hóa giáo dục, nhất là bảo tồn văn hóa cổ Việt Nam ở Pháp và các nước Tây phương, đồng thời hoàn tất **công trình “Nghiên cứu về Kiều”**, sưu tầm các bản nôm Kiều (đã tìm được 8 bản), so sánh đối chiếu, chú thích kỹ càng, mong tìm được bản gốc hay ít ra là bản gần bản gốc nhất, việc này **được gọi là “Kiều tầm nguyên”**. Đó là công trình ông đã đầu tư công sức suốt 50 năm trời.

Tuy sống xa quê hương song ông không ngừng quan tâm đến tình hình đất nước. Nhân dịp **Tết năm Bính Tý ông viết thư cho thủ tướng Phạm văn Đồng và đại tướng Võ Nguyên Giáp**; nội dung thư đề cập nhiều vấn đề: cái Đức của người lãnh đạo, vấn đề các dân tộc thiểu số, vấn đề tranh chấp hải phận với Trung Quốc, chủ yếu dùng ngoại giao song cũng nên có một tiêu hạm đội, vấn đề Cam-pu-chia, vấn đề vay nợ nước ngoài, vấn đề TQ có thể có bom hạt nhân, cần có quan hệ với Hoa Kỳ; nhiều vấn đề trong thư cho đến nay vẫn mang tính thời sự nóng hổi.

Năm 1987, nhân dịp 80 tuổi, ông làm bài thơ **“Cảm ơn mừng thọ 80”**:

*Tuổi tác nay đã chẵn tám mươi
Đời ta ngắm lại lắm khóc cười.
Thương tâm bốn bận binh đao thảm
Mộng寐 nhiều phen hậu vận tươi.
Bọt nước hư danh lòng chẳng bận
Vốn nhà cố giữ chí không lời.
Tri âm chẳng lọ so già trẻ
Xin giải lòng son cảm tạ Người.*

Tết năm 1995 ông làm bài thơ **Khai bút**:

*Tám chục may rồi sắp chín mươi
Sức chùng thêm đuối, tính thêm lười.
Sử nhà bạn cũ ôn không then
Vận nước tình sâu mộng sẽ tươi.
Văn ngữ thời xưa tìm kiếm gốc
Tình hoa thừa mới giúp đưa người.
Tuổi cao nhưng chỉ còn trai trẻ
Mắt đọc tay biên, miệng vẫn cười.*

Hồi 7 giờ 45 ngày 10 – 3 – 1996 ông đã qua đời tại bệnh viện Orsay (Paris), thi hài được hỏa táng ở nghĩa trang L'Orme des Moineaux les Ullis.

Ngày 13 – 3 – 1996 ông được Nhà nước ta truy tặng Huân chương Độc lập hạng Hai; đến năm 2000 được truy tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về cụm công trình Lý Thường Kiệt, La Sơn Phu tử, Lịch sử và lịch Việt Nam.

Tháng 8 – 2011, nhân dịp kỷ niệm 100 năm truyền thống, trường ĐH Cầu Đường Pháp lấy tên ông đặt cho giảng đường chính của trường và vinh danh ông là một trong 100 sinh viên tiêu biểu nhất của trường.

*Khởi thảo: 27 – 10 – 2012
Hoàn thành: 31 – 10 – 2012*

Nguyễn Minh Vũ